

Số: 1739/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 11 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương
đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 04/2024/TT-BYT ngày 20/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục mua sắm tập trung cấp quốc gia đối với thuốc;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định danh mục thuốc, thiết bị y tế, vật tư xét nghiệm được áp dụng hình thức đàm phán giá và quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 150/TTr-SYT ngày 10/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương đối với thuốc trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

(Chi tiết thuốc tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Y tế xem xét, đề xuất việc cập nhật, bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương theo hướng hiệu quả, tiết kiệm và triển khai thuận lợi nhất cho đơn vị mua sắm tập trung, đảm bảo đủ cơ số thuốc cho các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký ban hành./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Các bệnh viện trong tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH1, VX2. 

CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Trường



Handwritten notes in the top right corner, including the number '2' and some illegible characters.

Handwritten text at the bottom right, possibly a date or reference number.

A small handwritten mark or character.

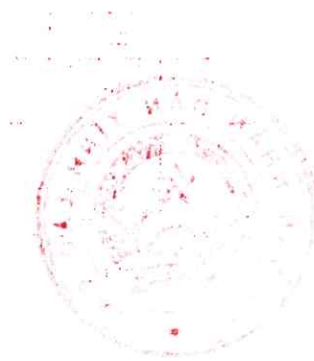
Phụ lục

DANH MỤC MUA SẮM TẬP TRUNG CẤP ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI THUỐC

(Kèm theo Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	Acarbose	50mg	Viên	Viên
2	Aciclovir	5% x 5g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp
3	Aciclovir	800mg	Viên	Viên
4	Acid Tranexamic	10% x 5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
5	Acid Tranexamic	5% x 5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
6	Adrenalin	1mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
7	Albumin	20% x 50ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
8	Amikacin	500mg	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
9	Aminophylin	240mg/5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
10	Amoxicilin + Acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Ống/Túi
11	Amoxicilin	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Ống/Túi
12	Amoxicilin	500mg	Viên nang	Viên
13	Atropin sulfat	0,25mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
14	Bupivacain hydroclorid	20mg/4ml	Dung dịch gây tê	Chai/Lọ/Ống/Túi
15	Calci clorid dihydrat	500mg/5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
16	Captopril	25mg	Viên	Viên
17	Cefalexin	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/Ống/Túi
18	Cefixim	200mg	Viên	Viên
19	Colchicin	1mg	Viên	Viên
20	Dexamethason phosphat	4mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
21	Diazepam	10mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
22	Diazepam	5mg	Viên	Viên
23	Digoxin	0,25mg	Viên	Viên
24	Diphenhydramin hydroclorid	10mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
25	Dobutamin	250mg	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
26	Dopamin hydroclorid	200mg/5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
27	Ephedrin hydroclorid	30mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
28	Fenofibrat	300mg	Viên nang	Viên
29	Fentanyl	0,1mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
30	Furosemid	20mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
31	Furosemid	40mg	Viên	Viên
32	Gentamicin	80mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
33	Gliclazid	30mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
34	Gliclazid	80mg	Viên	Viên
35	Glucose	1,5g/5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
36	Glucose	10% x 250ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
37	Glucose	10% x 500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
38	Glucose	5% x 250ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
39	Glucose	5% x 500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
40	Haloperidol	1,5mg	Viên	Viên
41	Heparin natri	25.000IU	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
42	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván	1500IU	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
43	Insulin người trơn, hỗn hợp	1000IU/10ml (30% + 70%)	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
44	Kali clorid	500mg/5ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
45	Ketamin	500mg/10ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
46	Ketoconazol	2% x 5g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp
47	LevomEPROMAZIN	25mg	Viên	Viên
48	Levothyroxin natri	100mcg	Viên	Viên
49	Lidocain hydroclorid	40mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
50	Loratadin	10mg	Viên	Viên
51	Magnesi sulfat	1,5g/10ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
52	Manitol	20% x 250ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
53	Metformin hydroclorid	500mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
54	Metformin hydroclorid	500mg	Viên	Viên
55	Metformin hydroclorid	750mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên
56	Metformin hydroclorid	850mg	Viên	Viên
57	Methadon hydroclorid	10mg/ml x 1000ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Túi
58	Methylergometrin maleat	0,2mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
59	Methylprednisolon	16mg	Viên	Viên
60	Methylprednisolon	40mg	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
61	Methylprednisolon	4mg	Viên	Viên
62	Metoclopramid hydroclorid	10mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
63	Metronidazol	250mg	Viên	Viên
64	Metronidazol	500mg/100ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
65	Midazolam	5mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
66	Misoprostol	200mcg	Viên	Viên
67	Morphin hydroclorid	10mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
68	Morphin sulfat	30mg	Viên nang	Viên
69	Naloxon hydroclorid	0,4mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
70	Natri clorid + Kali clorid + Natri lactat + Calci clorid dihydrat	(3.000mg + 200mg + 1.600mg + 135mg)/500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
71	Natri clorid	0,9% x 1000ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
72	Natri clorid	0,9% x 100ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
73	Natri clorid	0,9% x 250ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
74	Natri clorid	0,9% x 500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
75	Natri hydrocarbonat	1,4% x 500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
76	Neostigmin methylsulfat	0,5mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
77	Nhũ dịch lipid	20% x 100ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
78	Nước cất pha tiêm	100ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
79	Nước cất pha tiêm	10ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
80	Nước oxy già	3%	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi
81	Ofloxacin	0,3% x 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống/Túi
82	Oxytocin	5IU/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi



STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đơn vị tính
83	Papaverin hydroclorid	40mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
84	Paracetamol	150mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói/Ống/Túi
85	Paracetamol	250mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói/Ống/Túi
86	Paracetamol	500mg	Viên	Viên
87	Paracetamol	80mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Gói/Ống/Túi
88	Pethidin hydroclorid	100mg/2ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
89	Phenobarbital	100mg	Viên	Viên
90	Phenobarbital	10mg	Viên	Viên
91	Piroxicam	20mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi
92	Piroxicam	20mg	Viên	Viên
93	Poly -(O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0,4) + Natri acetat trihydrate + Natri clorid + Kali clorid + Magnesi clorid hexahydrat	(30g + 2,315g + 3,01g + 0,15g + 0,15g)/500ml	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi
94	Povidon iodin	10% x 200ml	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống/Túi
95	Propylthiouracil	50mg	Viên	Viên
96	Salbutamol	100mcg/liều x 200 liều	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều	Chai/Lọ/Ống/Bình
97	Sulfadiazin bạc	1% x 20g	Thuốc dùng ngoài	Tuýp
98	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Viên	Viên
99	Valproat natri	200mg	Viên bao tan ở ruột	Viên
100	Vitamin B1	100mg/1ml	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi

Ghi chú:

1. Về cách ghi tên hoạt chất của thuốc:

- Thuốc có cách ghi danh pháp khác với cách ghi tên hoạt chất tại Cột (2) và cách ghi này được ghi tại các tài liệu chuyên ngành về dược (như Dược điển, Dược thư Quốc gia và các tài liệu khác) thì vẫn thuộc danh mục (Ví dụ: Paracetamol hay Acetaminophen; Acyclovir hay Aciclovir; Cefuroxime hoặc Cefuroxim; Sodium hay Natri; Hydrochloride hoặc Hydroclorid ...).

- Trường hợp hoạt chất tại Cột (2) không ghi gốc muối thì các thuốc có dạng muối khác nhau của hoạt chất này sau khi quy đổi về dạng base có cùng nồng độ - hàm lượng tại Cột (3) (nếu có cùng chỉ định, liều điều trị) thì vẫn thuộc danh mục.

2. Việc dự thầu của thuốc có dạng bào chế khác với dạng bào chế ghi tại Cột (4) thực hiện theo quy định về đấu thầu thuốc.

3. Các cơ sở y tế được xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các thuốc có dạng bào chế khác với dạng bào chế của thuốc ghi tại Cột (4).

4. Thuốc trong danh mục không bao gồm thuốc biệt dược gốc, sinh phẩm tham chiếu được áp dụng hình thức đàm phán giá theo quy định tại Thông tư số 05/2024/TT-BYT ngày 14/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

